

GIỚI THIỆU CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU NIÊM YẾT - HVG



Công ty cổ phần Hùng Vương tiền thân là Công ty TNHH Hùng Vương được thành lập năm 2003 tại khu CN Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Vốn điều lệ của công ty sau 6 lần tăng vốn đến nay là 599,99 tỷ VND. Công ty cổ phần Hùng Vương dự kiến niêm yết trên sàn GDCK TP HCM (HOSE) vào ngày 25/11/2009 với mã chứng khoán HVG, với mức giá khởi điểm là 50,000 VND/cổ phiếu.

Hoạt động chính của công ty là chế biến xuất khẩu các sản phẩm từ cá tra (cá tra fillet định hình và không định hình). Công ty CP Hùng Vương hiện có 7 nhà máy chế biến thủy sản, có 3 chi nhánh, 5 công ty con, và 3 công ty liên kết, hoạt động trong toàn bộ các giai đoạn của quá trình sản xuất, chế biến và xuất khẩu cá tra, bao gồm nuôi trồng, chế biến thức ăn thủy sản, chế biến xuất khẩu, kho lạnh. Công ty có tốc độ tăng trưởng hàng năm cao và hiện là doanh nghiệp xuất khẩu cá tra/cá basa lớn nhất và đồng thời cũng là doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản đứng thứ hai tại Việt Nam (đứng sau CTCP Minh Phú).

5 công ty XK cá tra/basa hàng đầu Việt Nam tính đến 15/10/2009

Doanh nghiệp	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Tỷ lệ trên kim ngạch cả nước (%)
1.CTCP Hùng Vương & Cty TNHH Hùng Vương Vĩnh Long	56647	107639293	10,32%
2.CTCP Vĩnh Hoàn	31052	88881012	8,52%
3.CTCP Nam Việt	38118	70827265	6,79%
4.CTCP Việt An	18868	44245186	4,24%
5.CTCP AGIFISH	17184	41072402	3,94%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Các cổ đông chính của công ty:

Stt	Tên cổ đông	Tỷ lệ năm giữ
1	Dương Ngọc Minh, Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Hùng Vương, Trưởng ban điều hành XKTS vào thị trường Nga	31,68%
2	Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn	9,99%

Cơ cấu cổ đông HVG



Nguồn: HVG

THÔNG TIN CỔ PHIẾU

Chỉ số thị trường

	17/11/2009
Giá (VND) OTC	68,000
Tổng lượng cổ phiếu lưu hành	59,999,993
Vốn hóa thị trường (tỷ VND)	40,80
Sở hữu nước ngoài (%)	12.19%
Sở hữu nhà nước (%)	0%

Chỉ số tài chính

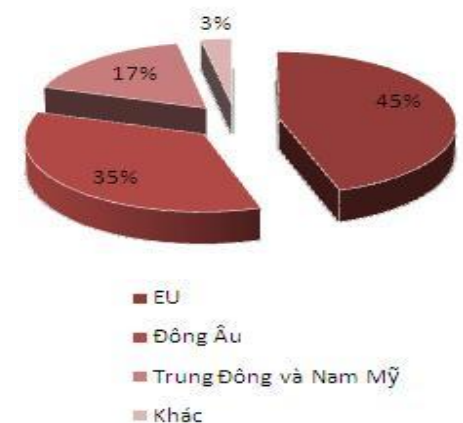
	2008A	2009E	2010E
Doanh thu (tỷ) - KH	2985	3150	6000
Lợi nhuận (tỷ) - KH	178	360	500
EPS (VND) - KH	3,608	7,419	8,333
Tỷ lệ cổ tức (%)	30%	30%	30%
ROE (%)	6.57%		
ROA (%)	11.91%		

** Các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận và EPS đều là kế hoạch công ty, tham khảo ước tính sơ bộ của chúng tôi trong báo cáo dưới đây.

Các chỉ số khác

	2008A	2009E	2010E
Biên lợi nhuận gộp	24.13%		
Biên lợi nhuận	13.58%		
Thanh toán nhanh	1.42		
Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.77x		

Thị trường XK chính của HVG 2008



Kế hoạch doanh thu lợi nhuận 2009 – 2011

Chỉ tiêu	Năm 2009		Năm 2010		Năm 2011	
	Triệu đồng	% YoY	Triệu đồng	% YoY	Triệu đồng	% YoY
Vốn điều lệ	599.000	21%	660.000	10%	800.000	21.21%
Lợi nhuận sau thuế	360.000	122%	500.000	38.88%	700.000	40%
Cổ tức/ vốn điều lệ	30%		30%		30%	

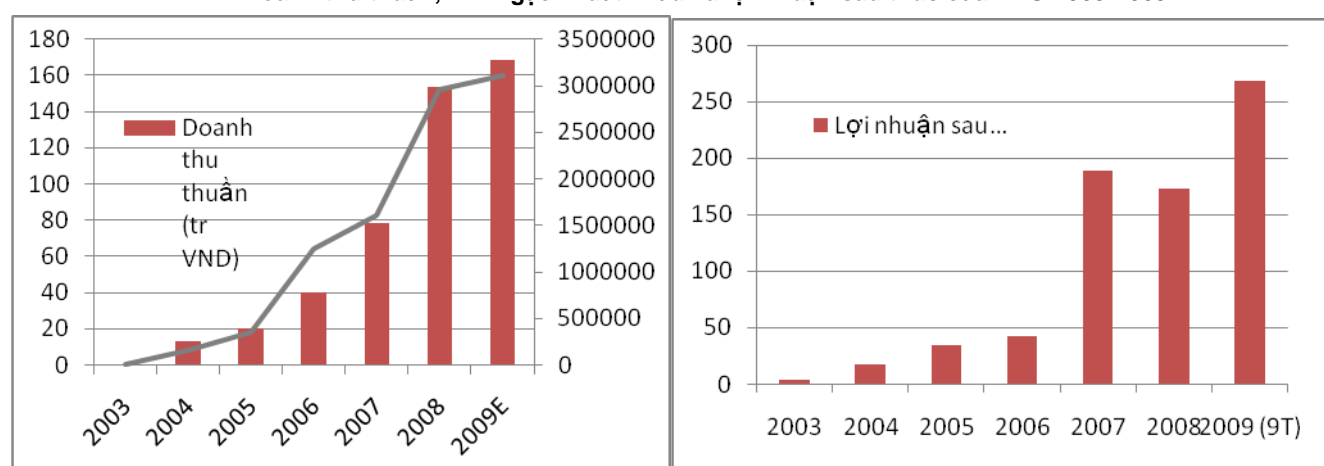
Nguồn: HVG

PHÂN TÍCH CÔNG TY

Hùng Vương hiện là nhà xuất khẩu cá tra lớn nhất của Việt Nam và hoạt động kinh doanh chủ yếu của công ty xoay quanh toàn bộ các công đoạn của chu trình sản xuất, chế biến và xuất khẩu cá tra, bao gồm:

- ❖ **Nuôi trồng** : Công ty CP nuôi trồng thủy sản Hùng Vương- Miền Tây với 150ha diện tích nuôi trồng và đáp ứng được 50% nguồn nguyên liệu cho các nhà máy chế biến của Hùng Vương)
- ❖ **Thức ăn thủy sản** : với 2 công ty liên kết là Công ty CP Thức ăn thủy sản Hùng Vương – Tây Nam và CTCP Việt Thắng, có tổng sản lượng 420,000 tấn/năm , trong đó 100% sản lượng của Hùng Vương Tây Nam và 25% của Việt Thắng là để cung cấp cho bộ phận nuôi trồng của Hùng Vương
- ❖ **Chế biến** : Hùng Vương hiện có 7 nhà máy chế biến thủy sản với tổng công suất hiện tại là 190,000 tấn/năm (dự kiến cuối năm 2009 sẽ nâng tổng công suất lên 310,000 tấn/năm khi CTCP châu Âu được đi vào hoạt động) đều đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn xuất khẩu vào thị trường EU. Hùng Vương và công ty con Hùng Vương-Vĩnh Long nằm trong danh sách 10 doanh nghiệp được phép xuất khẩu vào thị trường Nga
- ❖ **Dịch vụ kho lạnh** (công ty có kho lạnh sức chứa 42.000 tấn tại khu công nghiệp Tân Tạo, trong đó 30% là phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và 70% để cung cấp dịch vụ kho lạnh).

Công ty có tốc độ tăng trưởng khá nhanh trong giai đoạn 2003-2009, với tốc độ tăng trưởng của doanh thu thuần trung bình đạt 205% trong giai đoạn 2003-2009. Tuy nhiên có một điểm đáng chú ý là trong năm 2008, năm mà các doanh nghiệp xuất khẩu cá tra/basa có tốc độ tăng trưởng tốt thì lợi nhuận sau thuế của HVG lại giảm so với năm 2007. Trên thực tế lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính (EBIT) của công ty đạt tới 422 tỷ VND, tăng 117% so với năm 2007 nhưng công ty phải dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn 235 tỷ VND (công ty đã thanh lý một phần lớn danh mục đầu tư trong năm 2009). Sang đến năm 2009, khi các doanh nghiệp trong ngành thủy sản, đặc biệt đối với các doanh nghiệp xuất khẩu cá tra/basa gặp nhiều khó khăn, nhiều doanh nghiệp thua lỗ như ANV, BAS hoặc có lãi khá thấp như AGF thì HVG vẫn có tăng trưởng cả về lợi nhuận và doanh thu. Việc tiếp tục tăng trưởng trong điều kiện kinh tế suy thoái cho thấy năng lực quản trị và khả năng cạnh tranh tốt của công ty.

Doanh thu thuần, kim ngạch xuất khẩu và lợi nhuận sau thuế của HVG 2003-2009

Nguồn : SSI Research, HVG

Thị trường xuất khẩu: Thị trường xuất khẩu chính của Hùng Vương là **EU**, (Tây Ban Nha, Hà Lan, Ba Lan), **Đông Âu** (Nga, Ukraina) và một số nước như Mexico, Ai Cập. Tại các thị trường này Hùng Vương hiện đang đứng đầu về kim ngạch xuất khẩu. Trong năm 2009 các thị trường như Tây Ban Nha, Mexico vẫn tiếp tục đẩy mạnh nhập khẩu cá tra/cá basa của Việt Nam, trong đó thị trường Mexico liên tục có tốc độ tăng trưởng cao trong năm 2008-2009 và có thể từ nay đến cuối năm sẽ vượt qua cả Nga và Ukraina. Hiện tại công ty chưa có ý định mở rộng sang thị trường Mỹ (hiện CTCP Vĩnh Hoàn đang chiếm ưu thế tại đây) do các thị

trường truyền thống vẫn phát triển ổn định và mức thuế suất chống bán phá giá áp dụng đối với công ty là ở mức chung 63%. Trong năm 2009 công ty đang bắt đầu khai thác thị trường mới tại khu vực Nam Mỹ là Braxin.

Là công ty hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, HVG được hưởng khá nhiều các ưu đãi về thuế. HVG được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong các năm 2004-2006 và được giảm 50% trong 7 năm từ năm 2007. Ngoài ra, các công ty con và công ty liên kết đều được hưởng những ưu đãi thuế đáng kể, cụ thể như sau:

Công ty	Ưu đãi đầu tư
Công ty TNHH An Lạc – Tiền Giang	<ul style="list-style-type: none"> - Thuế suất TNDN là 28%. - Giảm 50% trong 3 năm kể từ năm 2008.
Công ty TNHH Châu Á	<ul style="list-style-type: none"> - Thuế suất TNDN là 15% (áp dụng trong 12 năm còn lại từ năm 2006) và 28% cho các năm sau đó. - Miễn thuế cho năm 2009. - Giảm 50% trong 7 năm từ 2010.
Công ty TNHH Hùng Vương – Vĩnh Long	<ul style="list-style-type: none"> - Thuế suất TNDN là 20%. - Giảm 50% trong 5 năm kể từ năm 2008.
Công ty TNHH Hùng Vương – Sa Đéc	<ul style="list-style-type: none"> - Thuế suất TNDN là 15% - Miễn thuế trong 3 năm từ 2009. - Giảm 50% trong 7 năm từ 2012.
Công ty TNHH Châu Âu	<ul style="list-style-type: none"> - Thuế suất TNDN là 15% (áp dụng trong 10 năm còn lại từ 2004) và 28% cho các năm sau. - Miễn thuế 3 năm từ 2009. - Giảm 50% trong 7 năm từ 2012.
CTCP Nuôi trồng thủy sản Hùng Vương – Miền Tây	<ul style="list-style-type: none"> - Miễn thuế suất TNDN cho hoạt động nuôi trồng. - Thuế suất TNDN cho hoạt động mua bán là 25%.
CTCP Thức ăn Thủy sản Hùng Vương – Tây Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Thuế suất TNDN là 15% (áp dụng trong 12 năm còn lại từ 2009) và 28% cho các năm sau. - Miễn thuế 3 năm từ 2009. - Giảm 50% trong 7 năm từ 2012.
CTCP Thủy sản Việt Thắng	<ul style="list-style-type: none"> - Thuế suất TNDN là 15%. - Giảm 50% trong 7 năm từ 2007.

Nguồn: HVG

Một điểm đáng lưu ý khác là Hùng Vương hiện có mức thặng dư vốn khá lớn mặc dù đã 6 lần thực hiện tăng vốn. Tính đến ngày 30/9/2009 thặng dư vốn của công ty ở mức 706,72 tỷ VND, gấp 1,17 lần vốn điều lệ của công ty. Cùng với mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là 338 tỷ VND, đây sẽ là những điều kiện thuận lợi giúp công ty có thể đầu tư mở rộng khi điều kiện thị trường thuận lợi cũng như vượt qua được khó khăn trong thời kỳ suy giảm như năm 2008, 2009.

Chiến lược của công ty trong các năm tới là trở thành tập đoàn sản xuất, chế biến và xuất khẩu cá tra hàng đầu của Việt Nam. Theo đó công ty sẽ tiếp tục nâng tỷ lệ sở hữu lên mức chi phối tại các công ty liên kết để thực sự chủ động đối với quy trình sản xuất kinh doanh khép kín của mình. Cụ thể sẽ tiến hành tăng vốn của công ty nuôi trồng và thức ăn Tây Nam lên 200 tỷ VND và Hùng Vương sẽ nắm 55%. Công ty cũng có kế hoạch hợp nhất một số công ty thủy sản khác (Vĩnh Lợi, Tắc Vân) vào Hùng Vương, hợp tác triển khai các dự án bất động sản của Công ty CP BĐS An Lạc (công ty này hiện có 2 lô đất, tại quận 6, TPHCM 1 ở 765 Hồng Bàng diện tích 6000m² và 1 lô ở 94-96 Phạm Đình Hổ diện tích 3000m²) và tiếp tục đầu tư xây dựng thêm 1 kho lạnh tại Cảng Hiệp Phước (Nhà Bè) trị giá 500 tỷ VND để nâng công suất toàn hệ thống kho lạnh lên 102,000 tấn (hiện đã được cấp giấy phép đầu tư) để nâng dần tỷ lệ đóng góp của dịch vụ kho lạnh trong tổng lợi nhuận. Về lĩnh vực chế biến, việc đưa vào hoạt động CTCP châu Âu với công suất chế biến 120,000 tấn/năm sẽ giúp HVG có thể dừng hoạt động một số nhà máy cũ để đưa vào sửa chữa, nâng cấp trong năm 2010.

Phân tích SWOT

Thế mạnh/ Thuận lợi

- Hoạt động trong ngành thủy sản là ngành có tiềm năng phát triển tốt và nhận được nhiều sự hỗ trợ từ phía chính phủ.
- Việc hoạt động sản xuất kinh doanh bao trùm tất cả các công đoạn trong quy trình sản xuất, chế biến xuất khẩu cá tra giúp công ty chủ động trong việc quản lý chất lượng, chi phí.
- Thương hiệu vững mạnh, có uy tín trên thị trường. Chất lượng sản phẩm và dịch vụ được khẳng định.
- Nhóm chỉ tiêu sinh lời (ROA, ROE) ở mức tốt, có tăng trưởng.
- Các kế hoạch doanh thu – lợi nhuận trong giai đoạn 09-10 rõ ràng và có mức độ khả thi cao.

- Lượng thặng dư vốn cao, khả năng chia tách tăng vốn lớn, tăng mức độ hấp dẫn của cổ phiếu.

Điểm yếu/ Khó khăn

- Rào cản thị trường (các hàng rào phi thuế quan) liên tục có ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
- Khả năng đa dạng hóa được rủi ro ở mức hạn chế do hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu xoay quanh cá tra
- Niềm yết trong bối cảnh thị trường chứng khoán Việt Nam đi vào một giai đoạn có nhiều biến động phức tạp và tâm lý nhà đầu tư có nhiều yếu tố không thực sự ổn định.

So sánh với một số công ty trong ngành

	VHC		ANV		MPC		HVG	
	2,008	2009 (9T)	2,008	2009 (9T)	2008	2009 (9T)	2008	2009 (9T)
Tỷ suất lợi nhuận gộp	11.83%	17.60%	14.66%	0.94%	15.81%	15.05%	24.13%	19.52%
Tổng chi phí hoạt động/doanh thu thuần	5.43%	6.92%	11.07%	7.93%	6.68%	7.90%	3.12%	6.96%
Lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	3.28%	7.68%	2.94%	-5.22%	-1.45%	7.19%	5.74%	11.59%
ROA	6.59%	10.22%	3.67%	-1.70%	-1.84%	5.81%	6.57%	7.11%
ROE	20.59%	30.20%	6.17%	-2.49%	-4.54%	13.82%	11.91%	15.38%
DOE	2.06	1.87	0.67	0.45	1.39	1.32	0.77	1.10

Nguồn : SSI Research, HVG

Có khá nhiều công ty thủy sản được niêm yết, tuy vậy chúng tôi chỉ chọn 3 công ty lớn để so sánh với Hùng Vương là CTCP Minh Phú (MPC), CTCP Nam Việt (ANV) và CTCP Vĩnh Hoàn (VHC) vì các công ty này có quy mô vốn lớn và cùng với Hùng Vương là 4 doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản lớn nhất Việt Nam. Có thể thấy so với các doanh nghiệp cùng ngành, nhờ vào việc chủ động được trong toàn bộ chu trình sản xuất kinh doanh đã giúp HVG có khả năng quản trị tốt chi phí. Tổng chi phí hoạt động của HVG ở mức thấp nhất trong số các công ty cùng ngành trong năm 2008, 2009. Lưu ý là chi phí bán hàng của công ty tăng mạnh trong năm 2008 là do công ty chuyển dần sang xuất khẩu theo điều kiện FOB sang CNF đối với thị trường châu Âu và điều này giúp công ty có thể chủ động về xuất hàng. Tỷ suất lợi nhuận gộp của HVG cũng ở mức cao nhất trong ngành, cho thấy giá vốn hàng bán của công ty được duy trì ở mức thấp. Các chỉ số ROA, ROE của công ty cũng ở mức khá cao, chỉ thấp hơn VHC do VHC sử dụng đòn bẩy tài chính ở mức độ khá cao (trong đó có cả vay bằng ngoại tệ) và hưởng lợi từ việc tăng trưởng tốt cả về lượng và giá tại thị trường Mỹ trong quý III/2009. HVG trong năm 2009 cũng đã đẩy mạnh việc vay do lãi suất trong năm ở mức thấp và điều này cũng làm cải thiện đáng kể tỷ suất lợi nhuận, mặc dù chỉ số nợ/vốn chủ sở hữu của công ty ở mức trung bình của ngành.

Quan điểm đầu tư vào cổ phiếu HVG

Hiện tại thị trường đang gặp khá nhiều khó khăn và mức P/E trung bình của ngành thủy sản theo ước tính của chúng tôi hiện ở mức 12.3x nếu tính ước tính mức lợi nhuận của các công ty trong ngành bằng cách dùng mức lợi nhuận của 9 tháng đầu năm cộng thêm với mức lợi nhuận của quý III (giả thiết rằng các công ty thủy sản trong quý IV sẽ có mức lợi nhuận tương đương quý III). Mức lợi nhuận sau thuế 360 tỷ VND cho cả năm 2009 theo chúng tôi là có thể thực hiện trong điều kiện thị trường hiện nay và tương đương với mức EPS là 6000 VND, do vậy mức giá hợp lý đối với HVG sẽ ở mức 73800 VND tại thời điểm 16/11/2009. Nhìn về dài hạn thì đây là một cổ phiếu tốt để đầu tư dài hạn do có cơ bản tốt, có khả năng tăng trưởng và có vị thế dẫn đầu trong ngành.

PHỤ LỤC: CÁC THÔNG SỐ TÀI CHÍNH

Báo cáo kết quả kinh doanh 2007 - 2009

	2007A	2008A	2009 (9T)
Doanh thu thuần	1,527,542	2,984,866	2,278,242
Giá vốn hàng bán	1,239,443	2,264,624	1,833,635
Lợi nhuận gộp	288,099	720,242	444,607
Chi phí bán hàng	77,904	258,835	135,544
Chi phí quản lý doanh nghiệp	16,050	38,677	23,019
Lợi nhuận từ HĐKD (EBIT)	194,145	422,730	286,044
Doanh thu tài chính	6,084	52,080	83,810
Chi phí tài chính	28,827	321,318	76,613
Chi phí lãi vay	21,214	58,231	63,199
Lãi/lỗ từ hoạt động tài chính	-22,743	-269,238	7,197
Thu nhập khác	22,520	10,624	-530
Phần lợi nhuận (lỗ) trong các công ty liên kết, liên doanh	-1,502	14,431	
Lợi nhuận trước thuế	192,420	178,547	292,711
Chi phí thuế thu nhập hiện hành			24,014
Lợi nhuận sau thuế	192,420	178,547	268,697
EPS	5,498	3,608	5,363

Bảng cân đối kế toán 2007 - 2009

	2007A	2008A	2009 (9T)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	1,203,183	2,085,121	3,034,064
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	248,089	79,989	179,205
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	0	91,741	38,258
1. Đầu tư tài chính ngắn hạn		345,330	89,317
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		-253,589	-51,058
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	712,205	1,455,252	2,014,815
1. Phải thu khách hàng	455,417	999,149	1,609,270
2. Trả trước cho người bán	254,745	449,814	385,635
3. Các khoản phải thu khác	3,360	7,560	21,180
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-1,317	-1,271	-1,271
IV. Hàng tồn kho	217,718	433,179	714,806
1. Hàng tồn kho	217,718	433,179	714,806
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	0	0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác	25,171	24,960	86,980
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	38	1,724	862

2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	11,377	12,115	40,285
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7,952	7,723	9,050
4. Tài sản ngắn hạn khác	5,804	3,398	36,783
B. Tài sản dài hạn	360,156	630,725	682,247
II. Tài sản cố định	189,283	426,497	488,213
1. Tài sản cố định hữu hình	131,902	238,536	345,415
- Nguyên giá	170,550	317,972	456,938
- Giá trị hao mòn lũy kế	-38,648	-79,436	-111,523
3. Tài sản cố định vô hình	56,200	81,085	80,251
- Nguyên giá	56,462	83,118	83,355
- Giá trị hao mòn lũy kế	-262	-2,033	-3,104
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1,181	106,876	62,547
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	169,224	199,299	187,168
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	169,224	199,299	187,168
V. Tài sản dài hạn khác	1,649	4,929	6,866
1. Chi phí trả trước dài hạn	1,533	4,845	6,782
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	116	0	
3. Tài sản dài hạn khác		84	84
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1,563,339	2,715,846	3,716,312

NGUỒN VỐN

A - NỢ PHẢI TRẢ	362,105	1,180,098	1,953,172
I. Nợ ngắn hạn	361,528	1,160,284	1,893,894
1. Vay và nợ ngắn hạn	231,068	927,222	1,570,024
2. Phải trả người bán	102,580	175,770	197,228
3. Người mua trả tiền trước	3,805	19,274	84,653
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	371	1,898	3,247
5. Phải trả người lao động	2,176	6,037	4,251
6. Chi phí phải trả	3,023	10,457	1,669
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18,505	19,626	32,823
II. Nợ dài hạn	577	19,814	59,277
1. Phải trả dài hạn người bán	0	0	
4. Vay và nợ dài hạn		18,000	57,433
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	0	0	706
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	0	706	1,138
7. Dự phòng phải trả dài hạn	577	1,108	
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	1,194,254	1,503,891	1,719,067
I. Vốn chủ sở hữu	1,191,339	1,498,804	1,717,271
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	394,000	494,880	599,999
2. Thặng dư vốn cổ phần	627,100	805,700	706,724

6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			-1,640
7. Quỹ đầu tư phát triển	15,814	25,644	34,924
8. Quỹ dự phòng tài chính	17,274	27,034	38,916
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	137,151	145,546	338,346
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	2,915	5,087	1,796
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	6,979	31,859	44,072
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1,563,338	2,715,848	3,716,312

Danh sách các công ty con và công ty liên kết của HVG tính đến thời điểm hiện tại

Công ty con

TT	Tên công ty	Vốn điều lệ hiện tại (VNĐ)	Lĩnh vực kinh doanh	Công suất (tấn/năm)
1	Công ty TNHH An Lạc – Tiền Giang	42.000.000.000. Trong đó, HV góp 37.800.000.000 (tương đương 90% vốn điều lệ)	Nuôi trồng hải sản và chế biến, xuất khẩu hải sản	25.000 tấn/năm
2	Công ty TNHH Châu Á	60.000.000.000. Trong đó, HV góp 54.000.000.000 (tương đương 90% vốn điều lệ)	Nuôi trồng, chế biến, xuất khẩu thủy sản	30.000 tấn/năm
3	Công ty TNHH Hùng Vương – Vĩnh Long	60.000.000.000. Trong đó, HV góp 54.000.000 (tương đương 90% vốn điều lệ)	Sản xuất, chế biến, mua bán, bảo quản thủy sản, rau quả, dầu và mỡ	45.000 tấn/năm
4	Công ty TNHH Hùng Vương – Sa Đéc	60.000.000.000. Trong đó, HV góp 42.000.000.000 (tương đương 70% vốn điều lệ)	Chế biến, bảo quản thủy hải sản và các sản phẩm khác từ thủy sản xuất khẩu. Mua bán máy móc thiết bị phục vụ ngành thủy sản.	30.000 tấn/năm
5	Công ty Cổ phần Châu Âu	160.000.000.000. Trong đó, HV góp 112.000.000.000 (tương đương 70% vốn điều lệ)	Nuôi trồng, chế biến hải sản xuất khẩu, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm.	120.000 tấn/năm

Nguồn: Công ty Cổ phần Hùng Vương

Công ty liên kết

TT	Tên công ty	Vốn điều lệ hiện tại (VNĐ)	Lĩnh vực kinh doanh	Năng lực
1	CTCP Nuôi trồng thủy sản Hùng Vương – Miền Tây	150.000.000.000. Trong đó, HV góp 72.000.000.000 (tương đương 48% vốn điều lệ)	Nuôi trồng hải sản xuất khẩu; Chế biến hải sản xuất khẩu	150.000 tấn/năm
2	CTCP địa ốc An Lạc	229.500.000.000. Trong đó, HV góp 110.160.000.000 (tương đương 48% vốn điều lệ)	Chế biến, mua bán thủy hải sản; Cho thuê kho lạnh; Nhận quyền sử dụng đất xây dựng nhà ở, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng theo quy hoạch nhà ở	-

Ghi chú: Công ty Cổ phần Nuôi trồng Thủy sản Hùng Vương - Miền Tây sở hữu 2 công ty chuyên sản xuất thức ăn thủy sản và gia súc gia cầm với tỷ lệ 51% vốn điều lệ (60 tỷ đồng) Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương - Tây Nam và 38% vốn điều lệ (180 tỷ đồng) Công ty Cổ phần Việt Thắng.

Nguồn: Bản cáo bạch HVG

KHỎI PHÂN TÍCH & TƯ VẤN ĐẦU TƯ

Các thông tin, tuyên bố, dự đoán trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, là dựa trên các nguồn thông tin tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các nguồn thông tin này. Các nhận định trong bản báo cáo này được đưa ra dựa trên cơ sở phân tích chi tiết và cẩn thận, theo đánh giá chủ quan của chúng tôi, là hợp lý trong thời điểm đưa ra báo cáo. Các nhận định trong báo cáo này có thể thay đổi bất kì lúc nào mà không báo trước.

Báo cáo này không nên được diễn giải như một đề nghị mua hay bán bất cứ một cổ phiếu nào. SSI và các công ty con; cũng như giám đốc, nhân viên của SSI và các công ty con có thể có lợi ích trong các công ty được đề cập tới trong báo cáo này. SSI có thể đã, đang và sẽ tiếp tục cung cấp dịch vụ cho các công ty được đề cập tới trong báo cáo này. SSI sẽ không chịu trách nhiệm đối với tất cả hay bất kỳ thiệt hại nào hay sự kiện bị coi là thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay bất kỳ thông tin hoặc ý kiến nào của báo cáo này.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Lê Lệ Hằng	Giám đốc khối	hangl@ssi.com.vn
Phạm Lưu Hưng	Chuyên viên	hungpl@ssi.com.vn